

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày: 15-01-2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải và bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (viết tắt: A1), do ông: Phạm Toàn V - Tổng Giám Đốc là Đại diện theo pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Dương Trung K- Chức vụ: Giám đốc A1 chi nhánh thị xã N, tỉnh Yên Bái. Ủy quyền lại cho ông: Trịnh Xuân T - Phó giám đốc A1 chi nhánh thị xã N. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tô Thế L và Luật sư Nhâm Mạnh H - Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P, CT4, A2, B, quận H, thành phố Hà Nội; Luật sư Tô Thế L có mặt, Luật sư Nhâm Mạnh H vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954. Trú tại: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Ông Lương Văn P, sinh năm 1961. Trú tại: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Lương Văn Q, sinh năm 1989. Đăng ký NKTT: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt,

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G, ông Lương Văn P, anh Lương Văn Q: Bà Nguyễn Thị Bạch H1 – sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Văn bản ủy quyền ngày 15-12-2023. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ C, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Mạnh C, sinh năm 1983, Địa chỉ: Tổ E, phường C, thị xã N. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Đại diện A1 chi nhánh N, tỉnh Yên Bái là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 25-9-2018, bà Nguyễn Thị M và con gái là Phan Thảo P1 (chị P1 ủy quyền cho bà M) đã ký với A1 chi nhánh huyện V- Phòng G2 Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD, vay số tiền 1.200.000.000đ, với nội dung: Mục đích vay tiêu dùng gia đình; thời hạn vay 36 tháng; L1 xuất vay thỏa thuận 11,5%/năm, lãi xuất có điều chỉnh 03 tháng/lần phù hợp với quy định của A1 và A1 chi nhánh huyện V.

Để đảm bảo cho khoản vay này, bà Nguyễn Thị G cùng chồng là ông Lương Văn P (ông P ủy quyền cho bà G) thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ bà G, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018, được công chứng số 2041 ngày 25-9-2018 tại Phòng C1, thị xã N, gồm thửa đất không số, tờ bản đồ: không số, loại đất ở đô thị, diện tích: 315m² địa chỉ tại: tổ A (nay là tổ A) phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362 do UBND tỉnh Y cấp ngày 16-8-1998. Tài sản gắn liền với thửa đất là nhà xây mái bằng gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, tổng diện tích sàn 80m²; Xác định tổng giá trị tài sản thế chấp là 1.750.300.000đ, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N, tỉnh Yên Bái ngày 25-9-2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị M đã trả cho A1 chi nhánh huyện V - Phòng giao dịch Liên Sơn tiền lãi đến 30-9-2018, từ 01-10-2018 đến nay bà M không trả lãi và gốc cho A1, vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận về trả nợ vay

được quy định trong hợp đồng vay. **A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2** đã nhiều lần mời bà **M** đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà **M** không đến thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Ngày 21-6-2021, **A1 chi nhánh huyện V** đã bàn giao hợp đồng vay vốn trên cho **A1 chi nhánh thị xã N** theo quyết định số 1182/QĐ-NHNo-TCTL của **A1**. Tiếp nhận quyền và nghĩa vụ, **A1 chi nhánh thị xã N** cũng đã nhiều lần mời bà **M** đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà **M** vẫn không đến thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03-7-2023 và Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06-7-2023, **A1** đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đó là: Rút yêu cầu đối với chị **Phan Thảo P1** (con gái bà **M**) phải chịu trách nhiệm cùng bà **M** thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; Rút yêu cầu đối với ông **Lương Văn P** có nghĩa vụ liên quan khi xử lý tài sản thế chấp, vì tài sản thế chấp tại **A1** là tài sản riêng của bà **Nguyễn Thị G** được anh trai là **Nguyễn Tiến Đ** tặng cho từ năm 1995, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông bà **G - Piêng**.

Trong đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, **A1** yêu cầu bà **Nguyễn Thị M** phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 29-8-2023 là 2.012.325.300đ gồm: Tiền gốc là 1.200.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 678.279.400đ, tiền lãi quá hạn là 134.045.900đ. Ngoài ra, yêu cầu bà **M** tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho **A1**, theo lãi xuất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. **A1** không chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị H2** được thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà **Nguyễn Thị M**.

Trong trường hợp bà **M** không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định tại hợp đồng thế chấp đã ký.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì **A1** thông qua **A1 chi nhánh thị xã N** yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bà **Nguyễn Thị M** để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 25-9-2018 bà không vay **A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2** số tiền 1.200.000.000đ. Bà thừa nhận có ký vào hồ sơ vay vốn do cán bộ tín dụng **Đỗ Mạnh C** đưa nhưng là để cho em gái bà là **Nguyễn Thị H2** khi đó đang là cán bộ tín dụng của **Phòng G2** vay để trả nợ ngân hàng; bà không ký vào Chứng từ giao dịch giải ngân của **A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2**, do đó bà không có trách nhiệm trả nợ cho **A** số tiền trên. Từ ngày ký hợp đồng tín

dụng đến nay, bà không được **ngân hàng N1**, yêu cầu trả nợ cho đến khi tòa án thông báo bà mới biết có khoản nợ này. Bà đề nghị **A1** tạo điều kiện để em gái bà trả nợ dần cho **A** số nợ trên.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị H2** trình bày:* Năm 2018, chị là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch **L**, chị có vay của một số khách hàng của **A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2** một số tiền nhưng không có khả năng thanh toán, Ban lãnh đạo **A1 chi nhánh huyện V** đã gợi ý yêu cầu cha, mẹ, anh em trong gia đình chị thế chấp tài sản của mình vay **A1 chi nhánh huyện V** để trả cho những khách hàng chị đã nợ trước đây. Nên chị đã mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị G** là Di ruột của mình và nhờ chị gái là **Nguyễn Thị M** đứng tên và ký vào hồ sơ vay vốn. Theo chị **H2** thực tế số tiền 1.200.000.000đ là chị vay, nên chị đề nghị **A1** cho chị thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị cho chị trả nợ dần, trước hết là số tiền gốc sau đó đến tiền lãi cho **A1**.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị G** trình bày:* Thừa đất vợ chồng bà đang ở hiện nay là do anh rể bà là **Nguyễn Tiến Đ** cho vợ chồng bà từ năm 1994, không phải là tài sản riêng của bà như **A1 chi nhánh thị xã N** khẳng định. Sau đó năm 1998 được **UBND tỉnh Y** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, thửa đất có diện tích 315m² tại **tổ A, phường T, thị xã N**. Khi ông **Đ** cho đất, trên đất đã có ba gian nhà gỗ lợp ngói, đến năm 2020 con trai bà là **Lường Văn Q** đã xây cho vợ chồng bà một căn nhà cấp IV, lợp proximang, diện tích khoảng 80m² (không phải mái bằng như hợp đồng thế chấp và biên bản thẩm định tài sản thế chấp mô tả).

Giữa bà và chị **Nguyễn Thị H2** có quan hệ **D** - cháu, năm 2018 chị **H2** đến nhà bà hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng, bà không biết chị **H2** vay bao nhiêu tiền, vay để làm gì, vì nể nang là **D**- cháu nên bà cho mượn, việc cho mượn đó con bà là anh **Lường Văn Q** đang làm ăn xa nên không biết, bà có nói với ông **Lường Văn P** là chồng bà, nhưng ông **P** không đồng ý. Bà thừa nhận bà đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản do cán bộ tín dụng đưa, ký vào bên nhận ủy quyền trên giấy ủy quyền để thế chấp tài sản nhưng chữ ký bên người ủy quyền không phải là của ông **P** vì ông không biết chữ. Việc thế chấp tài sản cũng không được sự đồng ý của anh **Lường Văn Q**. Do đó bà đề nghị tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà và **A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2** vô hiệu vì nhà đất đó là tài sản chung của gia đình, nhưng việc thế chấp đó không được sự đồng ý của chồng và con bà (ông **P** và anh **Q**). Bà yêu cầu **A1 chi nhánh thị xã N** trả lại bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K422362, do **UBND tỉnh Y** cấp ngày 16-8-1998.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Lường Văn P** trình bày:* Ông nhất trí với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị G** về nguồn gốc nhà đất. Ông không

nhất trí để ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp vì tài sản đó là của gia đình ông, ngân hàng nhận thế chấp khi chưa được sự đồng ý của ông, chữ ký bên người ủy quyền trên Giấy ủy quyền để thế chấp tài sản không phải là của ông vì ông không biết chữ, việc thế chấp chưa được sự đồng ý của con trai ông. Do đó ông đề nghị tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị G và A1 chi nhánh huyện V- Phòng G2 vô hiệu. Ông yêu cầu A1 chi nhánh thị xã N trả lại gia đình ông G1 chứng nhận quyền sử dụng đất có số K 422362, do UBND tỉnh Y cấp ngày 16-8-1998.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn Q trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của mẹ anh bà Nguyễn Thị G và bố anh ông Lương Văn P về nguồn gốc nhà đất. Anh không nhất trí để ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp vì tài sản đó là của gia đình anh, ngân hàng nhận thế chấp khi chưa được sự đồng ý của anh. Anh đề nghị Tòa án hủy bỏ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa mẹ anh và A1 chi nhánh huyện V, yêu cầu ngân hàng trả lại sổ đỏ cho gia đình anh. Do điều kiện công việc ở xa anh không thể tham gia phiên hòa giải, phiên tòa được nên anh xin được vắng mặt.

Người làm chứng anh Đỗ Mạnh C trình bày: Anh là cán bộ tín dụng trực tiếp hướng dẫn và thiết lập hồ sơ cho khách hàng Nguyễn Thị M vay vốn ngân hàng, trước khi ký kết, bà Nguyễn Thị M đã đọc kỹ và đồng ý ký kết hợp đồng vay vốn trước mặt cán bộ tín dụng; bà Nguyễn Thị G cũng đọc kỹ và đồng ý thế chấp tài sản của mình để bảo đảm tiền vay cho bà M. Bà Nguyễn Thị M đã ký và nhận đủ tiền tại quầy thủ quỹ của A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Đã quyết định:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các 117, 122, 131, 212, 213, 218, 280, 317, 407 của Bộ luật dân sự; Điều 29, 31, 35 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/HĐ ngày 01/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả Ngân hàng N tiền vay nợ gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 29-8-2023 là 2.012.325.300đ (Hai tỷ không trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm đồng) gồm: Tiền gốc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); gồm tiền lãi trong hạn là 678.279.400đ (Sáu trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 134.045.900đ (Một trăm ba mươi tư triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm đồng) theo hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25-9-2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Lãi suất mà bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục thanh toán cho A1 theo bản án của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của A1 và A1 chi nhánh tỉnh Y.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 khi bà Nguyễn Thị M không trả khoản nợ nêu trên.

3. Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G, ông Lường Văn P và anh Lường Văn Q: Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25/9/2018 được ký giữa A1 và bà Nguyễn Thị G vô hiệu toàn bộ. A1 chi nhánh thị xã N phải trả lại bà Nguyễn Thị G Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số K 422362, số vào sổ: 000032/QSDD/135 QĐUB do UBND tỉnh Y cấp ngày 16-8-1998.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-9-2023, nguyên đơn A1 Chi nhánh N kháng cáo một phần bản án số 05/2023/DS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, về nội dung:

1. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của A1 về xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 khi bà Nguyễn Thị M không trả khoản nợ trên.

2. Tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 vô hiệu toàn bộ, yêu cầu A1 phải trả lại bà Nguyễn Thị G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362, số vào sổ: 000032/QSDD/135 QĐUB do UBND tỉnh Y cấp ngày 16-8-1998.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án số 05/2023/DS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của **A1**, nếu bà **Nguyễn Thị M** không thanh toán trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25-9-2018 thì **A1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 để thu hồi nợ.

2. Tuyên số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho **A1**, thì thông qua **A1 chi nhánh thị xã N** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bà **Nguyễn Thị M** để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 990/HĐTC ngày 25-9-2018; trường hợp không chấp nhận kháng cáo như đề nghị trên thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp với các lý do:

- Bà **G**, ông **P**, anh **Q** không có yêu cầu độc lập và Tòa án không thụ lý yêu cầu này nhưng vẫn giải quyết là vượt quá phạm vi thụ lý vụ án;

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng nhưng không đưa Phòng công chứng, công chứng viên vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc Tòa án sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 vô hiệu là không có cơ sở, trái với Điều 122; Điều 130 Bộ luật Dân sự;

- Chưa xác minh cơ sở pháp lý các văn bản công chứng, chứng thực làm căn cứ giải quyết vụ án;

- Kết quả giải quyết vụ án chưa khách quan, chưa phù hợp hồ sơ vụ án ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đại diện những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cung cấp các tài liệu là 03 bộ Hợp đồng thế chấp tài sản là thửa đất 315 m² nói trên của bà **Nguyễn Thị G** thể hiện chỉ có một mình bà **Nguyễn Thị G** đứng tên thế chấp và cho rằng với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị G** chỉ do một mình bà **Nguyễn Thị G** thực hiện nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị G** là có sự sai sót so với Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC

ngày 16-3-1998 của T2. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái theo hướng chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn A1 Chi nhánh thị xã N, tỉnh Yên Bái làm trong thời hạn luật định, đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung. Nên việc kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn; đồng thời nguyên đơn có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của người có quyền lợi liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án và xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M không kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị M theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25/9/2018, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25-9-2018 đã thể hiện bà Nguyễn Thị M có vay vốn tại A1 chi nhánh huyện V - Phòng G2 với số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 11,5%/năm. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M thừa nhận có ký vào hồ sơ vay vốn do cán bộ tín dụng đưa; thừa nhận đã ký vào chứng từ giao dịch giải ngân của A1 (liên 01)

được lưu tại **A1 chi nhánh huyện V**. Do đó hợp đồng này được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Quy chế về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng ban hành theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc **Ngân hàng N2**, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Việc bà **Nguyễn Thị M** cho rằng ký hồ sơ nhưng để cho em gái bà là **Nguyễn Thị H2** vay tiền để trả nợ ngân hàng. Mặc dù chị **Nguyễn Thị H2** cũng thừa nhận nhờ chị gái là **Nguyễn Thị M** đứng tên và ký vào hồ sơ vay tiền ngân hàng để trả vào các khoản chị đã vay của khách hàng trước đó. Nhưng đây là quan hệ dân sự riêng giữa bà **Nguyễn Thị M** và **Nguyễn Thị H2**. Việc chị **Nguyễn Thị H2** đề nghị **A1** cho chị thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay 1.200.000.000đ cho **A1** thay cho bà **Nguyễn Thị M** nhưng không được **A1** chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do bà **Nguyễn Thị M** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 25-9-2018, nên **A1** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị M** trả nợ gốc: 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) và tổng tiền lãi chưa trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29-8-2023 là 812.325.300đ, gồm tiền lãi trong hạn là 678.279.400đ, tiền lãi quá hạn là 134.045.900đ, đồng thời xác định nghĩa vụ trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 29-8-2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 990/HĐTD ngày 25-9-2018, là đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng; phù hợp hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về Hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Do các bên đương sự không kháng cáo về nội dung này, nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và phần quyết định của bản án sơ thẩm về Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 990/HĐTD ngày 25-9-2018. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 990/HĐTD ngày 25-9-2018 được ký giữa bên thế chấp là bà **Nguyễn Thị G** sau khi được ông **Lương Văn P** ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25-9-2018 do Chủ tịch **UBND Phường T, thị xã N** chứng thực số 158, quyển số 01(1)-SCT/CK, ĐC ngày 25-9-2018 và bên nhận thế chấp là **A1 Chi nhánh huyện V, Phòng G2**. Hợp đồng thế chấp được công chứng số 2041 ngày 25/9/2018 tại **Phòng C1 - thị xã N**. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của thửa đất không số, tờ bản đồ không số, loại đất ở đô thị, diện tích: 315m², địa chỉ: **Tổ A (nay là tổ A) phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái**, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362 do **UBND tỉnh Y** cấp ngày 16/8/1998 mang tên hộ bà **Nguyễn Thị**

G. Tài sản gắn liền với thửa đất là nhà xây mái bằng gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, tổng diện tích sàn 80m².

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **A1** cho rằng Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà **Nguyễn Thị G** vì do anh trai là **Nguyễn Tiến Đ** tặng cho riêng bà **G** từ năm 1995 vụ án nên rút yêu cầu đối với ông **Lường Văn P**. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị G**, ông **Lường Văn P**, anh **Lường Văn Q** cho rằng đất là tài sản chung của hộ gia đình và có yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên là vô hiệu.

[2.3] Liên quan đến việc xem xét đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản nói trên thấy rằng:

- Việc bà **Nguyễn Thị G** ký hợp đồng thế chấp là trên cơ sở giấy ủy quyền ngày 25-9-2018, bà **G** thừa nhận chữ ký trong giấy ủy quyền này, còn ông **P** khai không biết chữ nên không ký. Việc công chứng hợp đồng thế chấp của **Phòng C1** – tỉnh Yên Bái là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu nhưng không xem xét đến giấy ủy quyền ngày 25-9-2018; không đưa chủ tịch **UBND phường T**, **thị xã N** và Công Chứng viên **Nguyễn Minh T1** của **Phòng C1** – tỉnh Yên Bái vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng.

- Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì toàn bộ các thủ tục cấp giấy đều do một mình bà **Nguyễn Thị G** tham gia và ký hồ sơ giấy tờ; nguồn gốc được ghi "*anh trai tặng cho em gái từ năm 1995*", bà **Nguyễn Thị G** khai ông **Nguyễn Tiến Đ** là anh rể bà **Nguyễn Thị G** cho cả hai vợ chồng; anh **Lường Văn Q** tại thời điểm năm 1995 mới được 8 tuổi; tại thời điểm cấp giấy năm 1998 là 11 tuổi. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362 do **UBND tỉnh Y** cấp ngày 16-8-1998 mang tên "*hộ bà Nguyễn Thị G*". Xét đây là trường hợp được tặng cho quyền sử dụng đất, không phải là trường hợp nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn thì cho rằng quyền sử dụng đất được cấp là tài sản riêng của bà **Nguyễn Thị G**, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có yêu cầu đối với đương sự hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất xác định rõ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362 ngày 16-8-1998 cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị G** có đúng đối tượng không (là cá nhân hay của hộ), dẫn đến việc giải quyết là không triệt để.

[2.4] Theo hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của thửa đất không số, tờ bản đồ không số, loại đất ở đô thị, diện tích: 315m², địa chỉ: **Tổ A (nay là tổ A) phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái**, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 422362 do **UBND tỉnh Y** cấp ngày 16/8/1998 mang tên hộ bà **Nguyễn Thị G**. Tài sản gắn liền với thửa đất là nhà xây mái bằng gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, tổng diện tích sàn 80m². Tuy nhiên, trong các lời khai của những người có quyền lợi liên quan khai khi ông **Đ** cho đất, trên đất đã

có ba gian nhà gỗ lợp ngói, đến năm 2020 con trai bà là **Lường Văn Q** đã xây cho vợ chồng bà một căn nhà cấp IV, lợp proximang, diện tích khoảng 80m². Đây là vụ án có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, có lời khai khác nhau về tài sản thế chấp nhưng Tòa án cấp sơ không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là không đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án. Có thể dẫn đến việc khó khăn cho công tác thi hành án.

[2.5] Ngoài các nội dung trên, việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị G**, ông **Lường Văn P**, anh **Lường Văn Q** có yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Đây cần phải được xác định là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án không thụ lý yêu cầu này và không yêu cầu những người này nộp tạm ứng án phí là thiếu sót.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót trong việc thụ lý yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án vào tham gia tố tụng cụ thể là Chủ tịch **UBND phường T, thị xã N**; Công chứng viên **Nguyễn Minh T1**; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ mà không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm được nên cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái về các nội dung: Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và tuyên bố hợp đồng thế chấp số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 là vô hiệu. Chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái về các nội dung:

- Việc giải quyết yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 của Nguyên đơn **A1 Chi nhánh thị xã N**;

- Việc tuyên bố hợp đồng thế chấp số 990/HĐTC ngày 25-9-2018 là vô hiệu và buộc **A1 chi nhánh thị xã N** phải trả lại bà **Nguyễn Thị G** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số K 422362, số vào sổ: 000032/QSĐĐ/135 QĐUB do **UBND tỉnh Y** cấp ngày 16-8-1998.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn **Ngân hàng N chi nhánh thị xã N - Yên Bái** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trả lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000834 ngày 11-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không liên quan đến phần bản án bị hủy mà không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thị xã Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS thị xã Nghĩa Lộ;
- Các đương sự;(6)
- Người BVQ&LIHP của ĐS;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Quân